

**TÒA ÁN QUÂN SỰ  
KHU VỰC 1 QUÂN KHU 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-ST  
Ngày 08 - 12 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 1 QUÂN KHU 5**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* 4/ Võ Hồng Ánh Vân.

*Các Hội thẩm quân nhân:*

2// Nay Lan;

1// Trần Anh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** 4/ Huỳnh Ngọc Diện, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 1 Quân khu 5.

**- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5 tham gia phiên tòa:** 4/ Nguyễn Lưu Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường Trung đoàn A Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 29/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 12/11/2021, đối với bị cáo:

**Hoàng H**, sinh ngày 05/01/1983 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Xây dựng; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 05/12; con ông Hoàng C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; có vợ là Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/7/2021; có mặt.

**Bị hại:** Công ty Cổ phần V 309 (thuộc Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng V Quân khu 5). Địa chỉ: 01 Nguyễn Phi K, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh Q, Trưởng phòng tài chính; có mặt.

*Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Tiến Q; có mặt.
2. Ông Nguyễn Trung C; vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Hồng T1; có mặt.
4. Ông Nguyễn Lê Quan T; vắng mặt.
5. Ông V; vắng mặt.

6. Ông Lê Ngọc H1; vắng mặt.
7. Rơ Chăm B; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2020, Công ty Cổ phần V 309 (gọi tắt là Công ty 309) thi công công trình kênh thủy lợi tại làng Ó, xã I, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Công trình này được giao cho Nguyễn Tiến Q, Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh của Công ty 309 phụ trách. Q thuê mặt bằng trên đất nhà V là dân, trú tại làng Ó, xã I, huyện IG, tỉnh Gia Lai làm kho để chứa vật tư, trang thiết bị máy móc thi công công trình và lán trại cho công nhân. Từ tháng 5/2019 đến 10/2019, Nguyễn Tiến Q có thỏa thuận miệng thuê Hoàng H thi công một số hạng mục công trình, nhân công do H đảm bảo, còn vật tư và trang thiết bị, máy móc sẽ do Công ty 309 đảm bảo. Khoảng tháng 10/2019, H ngừng thi công và giữa Q, H, Nguyễn Lê Quan T (là giám sát kỹ thuật công trình) có lập bản nghiệm thu công trình theo hợp đồng miệng và số tiền còn phải thanh toán cho H. Tuy nhiên, giữa Q và H chưa thống nhất với số tiền trên. Từ tháng 10/2019 đến tháng 01/2021, H có nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho Q yêu cầu thanh toán số tiền nợ nhưng không liên lạc được. Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, Hoàng H cùng vợ là Nguyễn Hồng T1 đến khu vực kho và lán trại của công trình tại nhà V để tìm Q yêu cầu thanh toán tiền công nợ. Tại đây, H được Rơ Chăm B (là vợ anh V) cho biết Q về Đà Nẵng đã lâu. Lúc này, H phát hiện nhà kho và lán trại có nhiều vật tư, thiết bị máy móc của công trình nhưng không có ai quản lý nên nảy sinh ý định chiếm đoạt một số tài sản này nhằm mục đích để buộc Q trả tiền cho mình. H thuê xe ô tô tải BKS 81C-007.36 của Lê Ngọc H1 chở 01 máy trộn bê tông màu xanh lá cây; 01 đầm cóc màu cam, 01 motor bơm nước, 01 motor điện; 02 bàn inox mặt tròn, 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo, 22 chéo giàn giáo về nhà bà Nguyễn Thị Xuân H (mẹ vợ của H) ở số nhà 28 Hồng B, thành phố K, tỉnh Kon Tum để cất giữ.

Trong ngày 11/01/2021, anh V đi kiểm tra khu vực nhà kho và lán trại thấy có dấu hiệu sắp sập đổ nên V điện thoại Q để yêu cầu thu dọn trả mặt bằng và tiền thuê mặt bằng nhưng không liên lạc được. Lúc này, V nhớ đến việc H lấy một số tài sản vào ngày 09/01/2021 nên V liên hệ và nghe H nói việc lấy tài sản được Q đồng ý. Tin tưởng, V đề nghị H chuyển số tài sản còn lại để dọn mặt bằng. Nghe vậy, H gọi điện thuê xe ô tô tải của H1, thuê anh V lấy một số tài sản theo hướng dẫn của H đưa lên xe và chở về nhà mẹ vợ cất giữ, gồm: 01 máy trộn bê tông màu cam tại sân bê tông, 12 tấm cospha thép chữ “V”, 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa hình trụ tròn, 01 dây đầm dùi màu nâu. Ngày sau đó, Q có liên lạc gọi điện thoại cho V và được biết H lấy tài sản của Công ty. Q có liên hệ yêu cầu H trả lại tài sản, H nói Q chỉ trả lại tài sản khi thanh toán xong công nợ. Ngày 13/01/2021, ông Q từ Đà Nẵng lên khu lán trại, nhà kho kiểm tra tài sản và làm đơn trình báo Công an xã I, huyện IG, tỉnh Gia

lai.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 máy trộn bê tông màu xanh lá cây; 01 đầm cóc màu cam; 01 motor bơm nước; 01 motor điện; 02 bàn inox mặt tròn; 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo; 22 chéo giàn giáo; 01 máy trộn bê tông màu cam; 12 tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa hình trụ tròn, 01 dây đầm dùi; 01 xe ô tô tải BKS 81C-007.36.

Biên bản tạm giữ đồ vật tại nhà bà Nguyễn Thị Xuân H (mẹ vợ bị cáo) do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 Quân khu 5 lập hồi 15 giờ 15 phút ngày 15/3/2021 gồm những tài sản: 01 máy trộn bê tông màu xanh lá cây; 01 đầm cóc màu cam; 01 motor bơm nước; 01 motor điện; 02 bàn inox mặt tròn; 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo, 22 chéo giàn giáo; 01 máy trộn bê tông màu cam; 12 tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa; 01 dây đầm dùi màu nâu.

Biên bản xác định số tài sản còn tại nhà anh V do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 Quân khu 5 lập hồi 09 giờ 30 phút ngày 14/4/2021, gồm: 01 máy đầm dùi chạy xăng; 01 máy đầm dùi chạy điện; 03 xe rửa; 01 máy nổ chạy dầu; 01 phuy nhựa màu xanh; 01 tấm cospha thép; dây điện lớn; dây điện nhỏ; ống nhựa mềm; 01 quạt treo tường; 01 quạt đứng; 01 kéo cắt sắt.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường vụ trộm cắp tài sản do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 Quân khu 5 lập hồi 12 giờ 30 phút ngày 15/3/2021 xác định như sau:

Hiện trường là vị trí sân bê tông và vườn cây phía sau của hộ gia đình nhà ông V thuộc làng Ó, xã I, huyện IG, tỉnh Gia Lai; phía Đông, phía Tây và phía Bắc giáp đường đất và vườn cây, phía Nam giáp nhà ông V và đường tránh phía Tây Gia Lai. Lây cột nhà bằng gỗ phía Đông Bắc nhà ông V làm điểm mốc.

Khu vực nhà ở, sân bê tông và vườn cây nhà ông V được bao quanh bởi các trụ bê tông kết nối với dây thép gai tạo thành hàng rào ký hiệu “1”; hàng rào phía Đông, Tây, Bắc được bao quanh bởi khu vực đường đất rộng 04m. Cách tường phía Bắc nhà ông V 0,7m về phía Bắc là sân bê tông có kích thước (17,5 x 08)m, trên bề mặt sân có nhiều tôn, gỗ, sắt, thép nằm rải rác. Tại vị trí rìa phía Bắc sân bê tông, cách tường phía Bắc 8,7m là khu vực vườn cây phía sau nhà ông V, trên bề mặt vườn cây phát hiện nhiều tôn, gỗ, sắt nằm rải rác trong diện (17,5 x 04)m ký hiệu “2”; tâm “2” cách điểm mốc 12,6m và cách tường phía Bắc 10,7m. Góc phía Đông Nam sân bê tông phát hiện hàng gạch được xây dựng trên bề mặt sân kích thước (5,2 x 3,4 x 0,2)m ký hiệu “3”; tâm “3” cách tường phía Bắc 2,4m, cách điểm mốc 3,4m, cách tâm “2” 9,5m. Tại vị trí phía Tây sân bê tông, sát tường phía Bắc là khu vực nhà bếp có diện tích (08 x 04)m.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 14/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự UBND huyện IG, tỉnh Gia Lai kết luận:

- Vụ trộm cắp tài sản ngày 09/01/2021, tổng giá trị tài sản là 15.238.000

đồng, gồm:

- + 01 máy trộn bê tông màu xanh, trị giá: 4.500.000 đồng.
- + 01 máy đầm cóc, trị giá: 3.600.000 đồng.
- + 01 motor bơm nước màu xanh, trị giá: 600.000 đồng.
- + 01 motor điện vỏ ngoài bằng kim loại, màu nâu, trị giá: 468.000 đồng.
- + 02 bàn inox mặt tròn màu bạc, trị giá: 640.000 đồng.
- + 01 nồi cơm điện hình tròn, trị giá: 1.890.000 đồng.
- + 31 chân giàn giáo bằng kim loại, trị giá: 3.100.000 đồng.
- + 22 chéo giàn giáo bằng kim loại, trị giá: 440.000 đồng.

- Vụ trộm cắp tài sản ngày 11/01/2021, tổng giá trị tài sản là 12.808.680 đồng, gồm:

- + 01 máy trộn bê tông màu cam trị giá: 4.500.000 đồng.
- + 12 tấm cospha thép hình dạng chữ “V”, trị giá: 5.875.200 đồng.
- + 18 tấm cospha thép mặt phẳng, trị giá: 1.563.480 đồng.
- + 02 thùng phuy nhựa hình trụ tròn, trị giá: 600.000 đồng.
- + 01 dây đầm dùi màu nâu, trị giá: 270.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là **28.046.680** (Hai mươi tám triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi) đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng tháng 3/2019, bị cáo có thỏa thuận miệng với Nguyễn Tiến Q về việc bị cáo sẽ đứng ra thuê nhân công để thi công công trình kênh thủy lợi làng Ó, về máy móc và trang thiết bị vật tư do anh Q đảm bảo. Đến tháng 01/2020 bị cáo thi công hoàn tất theo thỏa thuận, giữa bị cáo và anh Q, anh T có lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành, nhưng anh Q không thanh toán cho bị cáo số tiền công nợ. Nhiều lần bị cáo gọi điện, nhắn tin yêu cầu anh Q thanh toán nhưng liên lạc không được. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, bị cáo chở vợ đến nhà anh V để gặp anh Q nhưng khi đến thì nghe vợ anh V nói anh Q đi về Đà Nẵng đã lâu. Lúc này bị cáo quan sát tại kho và lán trại, phát hiện vẫn còn một số vật tư, trang thiết bị máy móc của công trình nên mới nảy sinh ý định lấy những tài sản này, mục đích để cần nợ số tiền anh Q còn nợ bị cáo và bị cáo gọi thuê xe ô tô tải do anh H1 điều khiển đến bốc một số tài sản lên xe và chở về nhà mẹ vợ ở thành phố K cất giữ. Ngày 11/01/2021, anh V gọi điện hỏi bị cáo tại sao lấy tài sản, bị cáo nói đã được anh Q đồng ý. Anh V nói sao không chở hết để trả lại mặt bằng, nghe vậy bị cáo gọi điện thuê xe ô tô tải do anh H1 điều khiển và thuê anh V 200.000 đồng bốc một số tài sản theo hướng dẫn của bị cáo lên xe chở về thành phố K cất giữ. Số tài sản bị cáo lấy trong hai lần gồm: 02 máy trộn bê tông; 01 đầm cóc màu cam; 01 motor bơm nước; 01 motor điện; 02 bàn inox mặt tròn; 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo; 22 chéo giàn giáo; 12

tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa, 01 dây đầm dùi. Toàn bộ số tài sản trên bị cáo chưa sử dụng và không làm hư hỏng gì.

Đại diện bị hại theo ủy quyền, ông Lê Thanh Q khai: Công ty 309 giao cho Nguyễn Tiến Q quản lý, sử dụng vật tư, trang thiết bị máy móc để phục vụ cho việc thi công công trình. Số tài sản bị mất trộm gồm: 02 cối trộn bê tông; 01 máy đầm cóc chạy bằng xăng; 02 đầm dùi chạy bằng điện; 01 đầm dùi chạy bằng xăng; 02 máy cưa gỗ; 01 máy cắt cầm tay Sencan; 01 máy cắt sắt; 01 máy duỗi sắt; 01 máy khoan bằng tay; 01 máy motor bơm nước; 01 máy motor điện; 01 máy nổ chạy dầu; 01 nồi cơm điện loại 10kg; 02 bàn inox tròn 1,2m; 03 thùng phuy nhựa; 04 xe rửa; 20 tấm cospha thép hình chữ V; 20 bộ giàn giáo; 100m dây điện lớn; 50m dây điện nhỏ; 100m ống nước nhựa mềm; 02 quạt treo tường; 01 quạt đứng; 01 kéo cắt sắt. Công ty đã nhận lại số tài sản mà bị cáo H lấy. Hiện còn một số tài sản ở nhà anh V, Công ty chưa chở về; yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí vận chuyển, bốc dỡ tài sản bị trộm cắp từ tỉnh Gia Lai về thành phố Đà Nẵng với số tiền là 5.000.000 đồng và chi phí công tác đến tỉnh Gia Lai làm việc liên quan đến vụ án với số tiền là 6.000.000 đồng; tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng Nguyễn Tiến Q khai: Tôi được Công ty 309 giao phụ trách công trình kênh thủy lợi tại Làng Ó, xã I, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thi công tôi có thuê mặt bằng nhà anh V để làm kho chứa vật tư, thiết bị máy móc phục vụ công trình và lán trại cho công nhân ở. Khu vực kho và lán trại nằm trong khuôn viên nhà anh V. Tôi có quen biết bị cáo trong thời gian làm công trình; có hợp đồng miệng thuê bị cáo làm một số hạng mục. Giữa tôi và bị cáo còn số công nợ chưa thống nhất nên tôi chưa thanh toán cho bị cáo. Tài sản phục vụ cho công trình này là của Công ty 309 cung cấp và giao cho tôi quản lý, sử dụng. Sau khi công trình hoàn thành, tôi có khóa và cất giữ một số tài sản trong kho, lán trại nhưng không kiểm kê tài sản, không nhờ ai trông coi, quản lý khi về Đà Nẵng. Tôi không biết bị cáo lấy tài sản trong hai ngày 09/01/2021 và 11/01/2021, khi anh V gọi điện nói thì tôi mới biết. Tôi có gọi điện yêu cầu bị cáo trả lại nhưng bị cáo không đồng ý. Ngày 13/01/2021, tôi lên lán trại thì phát hiện tài sản bị mất và tôi có làm đơn trình báo Công an xã I.

Lời khai của người làm chứng V: Vào ngày 07/01/2021, anh H có gọi điện nhờ tôi tìm người đi làm công trình và xin số điện thoại anh Q. Ngày 09/01/2021, khi đi làm về có nghe vợ tôi nói có anh H đến lấy máy móc, vật tư đi. Ngày 11/01/2021, tôi có gọi điện cho anh Q nói việc thu dọn mặt bằng nhưng không liên lạc được. Sau đó, tôi điện cho anh H và nói tại sao chờ đồ, anh H trả lời anh Q đã đồng ý, tôi có nói H sao không chờ hết để tôi tháo dỡ lấy lại mặt bằng. Nghe vậy, H có thuê tôi 200.000 đồng tiền đưa tài sản lên xe ô tô do H thuê gọi đến, lúc đó khoảng 14 giờ cùng ngày. Tài sản tôi cùng anh H1 đưa lên xe theo hướng dẫn của H, gồm có: 01 máy trộn bê tông màu cam; 12 tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa hình trụ tròn, 01 dây đầm dùi. Số tài sản này chở đi đâu tôi không biết. Anh Q về Đà Nẵng lúc

nào tôi không biết và không nhờ, gửi ai trông coi số tài sản trên. Do tôi thấy khu vực kho, lán trại sắp sập nên có mang một số tài sản vào nhà bảo quản.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Lê Quan T: Tôi là người giới thiệu H vào làm tại công trình. Giữa anh Q và H có thỏa thuận miệng về việc làm tại công trình kênh thủy lợi. Tôi là người lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc theo thỏa thuận giữa H và anh Q, trong biên bản có thể hiện số tiền còn nợ H. Biên bản lập ra có chữ ký của hai bên và mỗi người giữ một bản. Tôi không biết số tiền này đã được thanh toán chưa. Tôi không chứng kiến việc anh H lấy tài sản của công ty trong ngày 09 và 11/01/2021, sau này anh V điện thoại nói tôi mới biết. Số tài sản bị mất là của Công ty 309, do anh Q trực tiếp quản lý; sau khi công trình xong tôi không biết anh Q có nhờ ai trông coi không.

Lời khai của người làm chứng Lê Ngọc H1: Đầu giờ chiều các ngày 09/01/2021 và 11/01/2021, anh H gọi điện thoại thuê xe ô tô tải của tôi để chở một số vật tư, máy móc từ nhà anh V đi thành phố K với giá 800.000 đồng/chuyến. Số tài sản anh H thuê tôi chở là của ai tôi không biết, việc bốc tải sản gì là do anh H hướng dẫn. Số tài sản tôi vận chuyển gồm: 02 máy trộn bê tông; 01 đầm cóc màu cam; 01 motor bơm nước; 01 motor điện; 02 bàn inox mặt tròn; 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo; 22 chéo giàn giáo; 12 tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa, 01 dây đầm dùi. Xe ô tô BKS 81C-007.36 thuộc sở hữu của tôi.

Người làm chứng Nguyễn Hồng T1 khai: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, anh H và tôi đến nhà anh V để tìm anh Q nhưng không gặp. Sau đó, tôi thấy anh H gọi điện và đi thuê xe ô tô tải để chở một số máy móc, vật tư, lúc đó tôi nghĩ anh H và anh Q đã trao đổi nên anh H mới lấy tài sản đi. Số tài sản bốc lên xe tôi không biết và được chở về nhà mẹ ruột tôi cất giữ. Mẹ tôi cũng có hỏi tôi về số tài sản trên ở đâu, tôi trả lời như anh H nói với tôi là người khác nợ nên dùng tài sản này để trừ nợ. Ngày 11/01/2021, tôi không biết việc anh H chở tài sản như thế nào.

Người làm chứng Nguyễn Trung C khai: Tôi là người phụ cùng với H, anh H1 bốc dỡ và đưa tài sản vào nhà mẹ ruột tôi. Tôi không biết số tài sản này do H chiếm đoạt bất hợp pháp của Công ty 309. Tài sản cất giữ gồm có: 02 máy trộn bê tông; 01 đầm cóc màu cam; 01 motor bơm nước; 01 motor điện; 02 bàn inox mặt tròn; 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo; 22 chéo giàn giáo; 12 tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa, 01 dây đầm dùi. Những tài sản này không sử dụng gì cho đến khi cơ quan điều tra đến thu giữ.

Lời khai của những người làm chứng khác phù hợp với nội dung vụ án.

Cáo trạng số 04/CT-VKSQSKV52, ngày 28/9/2021 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5 truy tố Hoàng H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối

với bị cáo Hoàng H, đồng thời phân tích làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội; đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; hậu quả của vụ án; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) và nhân thân bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX), về hình sự: tuyên bị cáo Hoàng H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 (đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt); điểm g khoản 1 Điều 52; các khoản 1, 2, 3 Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo Hoàng H từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, Điều 589 BLDS không chấp nhận yêu cầu của đại diện bị hại đối với khoản bồi thường về chi phí vận chuyển, bốc dỡ tài sản bị trộm cắp từ tỉnh Gia Lai về thành phố Đà Nẵng số tiền là 5.000.000 đồng và chi phí công tác đến tỉnh Gia Lai làm việc liên quan đến vụ án, 04 lần với số tiền là 6.000.000 đồng. Vật chứng của vụ án đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì.

Đại diện bị hại theo ủy quyền: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát; không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản chi phí công tác, chỉ đề nghị HĐXX xem xét, chấp nhận khoản bồi thường chi phí vận chuyển, bốc dỡ tài sản.

Kiểm sát viên đối đáp: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ tài sản bị trộm cắp từ tỉnh Gia Lai về thành phố Đà Nẵng không phải là thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Cơ quan điều tra đã thu hồi lại tài sản trộm cắp chuyển về tỉnh Gia Lai. Việc vận chuyển tài sản về thành phố Đà Nẵng là do Công ty quyết định và bảo đảm.

Đại diện bị hại theo ủy quyền không có ý kiến và tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Việc bị cáo phạm tội do học vấn thấp, thiếu hiểu biết pháp luật. Bị cáo rất hối hận, mong HĐXX xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 5 Quân khu 5, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 52 Quân khu 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Sau khi thẩm tra lời khai của bị cáo; đại diện bị hại theo ủy quyền và những người làm chứng. Qua xem xét Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ

đồ hiện trường, Biên bản tạm giữ đồ vật, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX xác định: Công ty V 309 thi công công trình kênh thủy lợi tại Làng Ó, xã I, huyện IG, tỉnh Gia Lai từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2020 và giao cho Nguyễn Tiến Q phụ trách, quản lý tài sản tại công trình. Nguyễn Tiến Q thuê mặt bằng đất nhà V để làm kho và lán trại. Trong quá trình thi công, Q có thỏa thuận miệng với bị cáo Hoàng H, về việc sử dụng nhân công của bị cáo để thi công một số hạng mục công trình, vật tư và máy móc sẽ do Công ty đảm bảo. Tháng 9/2020 bị cáo H dừng thi công, hai bên có xác nhận công nợ với nhau, nhưng giữa hai bên chưa thống nhất tiền công nợ. Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 09/01/2021, bị cáo Hoàng H đến nhà V tìm Q để yêu cầu thanh toán tiền công nợ nhưng không gặp. Sau khi biết Q về Đà Nẵng, bị cáo quan sát thấy khu vực kho và lán trại của công trình còn nhiều máy móc, thiết bị và không có ai trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt một số tài sản nhằm mục đích ép Q trả tiền công nợ, nếu không trả sẽ cản nợ. Bị cáo H thuê xe ô tô BKS 81C-007.36 của Lê Ngọc H1 chở một số tài sản gồm: 01 máy trộn bê tông; 01 đầm cóc; 01 motor bơm nước; 01 motor điện; 02 bàn inox; 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo; 22 chéo giàn giáo về nhà mẹ vợ tại địa chỉ số 28 Hồng B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum cất giữ. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/01/2021, V gọi điện hỏi bị cáo về việc lấy tài sản vào ngày 09/01/2021, bị cáo trả lời đã được Q đồng ý. Vì tin tưởng, V đã đề nghị bị cáo chuyển những tài sản còn lại để V dọn mặt bằng. Bị cáo gọi điện thuê xe ô tô của Lê Ngọc H1 và thuê V chuyển số tài sản lên xe theo hướng dẫn của bị cáo, gồm: 01 máy trộn bê tông; 12 tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa, 01 dây đầm dùi, chở về nhà mẹ vợ cất giữ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H chiếm đoạt là 28.046.680 đồng. Hai lần bị cáo chiếm đoạt tài sản, người quản lý trực tiếp tài sản là ông Nguyễn Tiến Q hoàn toàn không biết. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Hoàng H phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ.

Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến khách thể quan trọng mà pháp luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sở hữu về tài sản của cơ quan, tổ chức. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Mặt khác, công tác quản lý tài sản của Công ty 309 lỏng lẻo, không có người trông coi, là điều kiện thuận lợi để bị cáo phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng H đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần đều có giá trị trên 2.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; toàn bộ tài sản bị cáo chiếm



đoạt đã thu hồi đầy đủ, trả lại cho chủ sở hữu và giá trị tài sản là 28.046.680 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tại phiên tòa, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Với các tình tiết trên, HĐXX áp dụng điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, lỗi và hậu quả của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo nhận thức đơn giản, mục đích lấy tài sản nhằm ép anh Q thanh toán tiền, số tài sản bị cáo lấy đã thu hồi đầy đủ; bị cáo có nghề nghiệp nhà thầu xây dựng, thu nhập cơ bản ổn định, được UBND phường xác nhận mức thu nhập 6.000.000 đồng/tháng. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, đảm bảo được mục đích, ý nghĩa của hình phạt, thể hiện tính răn đe và sự khoan hồng của pháp luật. Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về mức khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự, chi phí bốc dỡ và vận chuyển tài sản bị trộm cắp từ Gia Lai về Đà Nẵng và chi phí công tác đến Gia Lai làm việc liên quan đến vụ án không phải là thiệt hại tài sản do hành vi phạm tội gây ra, nên HĐXX không xem xét và không chấp nhận yêu cầu của đại diện bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 Quân khu 5 đã trả lại số tài sản gồm: 01 máy trộn bê tông màu xanh lá cây; 01 đầm cóc màu cam; 01 motor bơm nước; 01 motor điện; 02 bàn inox mặt tròn; 01 nồi cơm điện; 31 chân giàn giáo; 22 chéo giàn giáo; 01 máy trộn bê tông màu cam; 12 tấm cospha thép chữ “V”; 18 tấm cospha thép mặt phẳng; 02 thùng phuy nhựa hình trụ tròn, 01 dây đầm dùi cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty Cổ phần V 309 (theo biên bản trao trả tài sản ngày 19/6/2021) đúng quy định pháp luật.

Đối với xe ô tô BKS 81C-007.36 do Lê Ngọc H1 điều khiển vận chuyển tài sản bị trộm cắp, vì ông H1 không biết đây là tài sản do bị cáo H chiếm đoạt bất hợp pháp nên Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 5 Quân khu 5 đã trả 01 xe ô tô tải BKS 81C-007.36 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Ngọc H1 (theo biên bản trao trả tài sản ngày 03/8/2021) đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về hình sự:**

Tuyên bố bị cáo Hoàng H, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm

g khoản 1 Điều 52; các khoản 1, 2, 3 Điều 36 BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng H 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Hoàng H để sung vào ngân sách Nhà nước trong thời gian cải tạo không giam giữ.

## **2. Về án phí:**

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Hoàng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/12/2021 bị cáo và đương sự, có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

### **Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại;
- Viện KSQSKV52 QK5;
- Viện KSQSQK5;
- Cơ quan ĐTHSKV5 QK5;
- Phòng THA QK5;
- UBND phường T, Tp K.
- Lưu: HSVA, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**4/ Võ Hồng Ánh Vân**